

Bản án số: 154/2022/DS-PT

Ngày: 09-8-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

2. Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Đại Triều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị X, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 9, ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Ninh An, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020 (có mặt).

- Đồng bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, chị Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1993, anh Đặng Thanh T, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: bà Quách Thị Phương Th, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 06/01/2021 và ngày 26/3/2021 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Thanh M, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

2. Bà Đặng Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

3. Ông Đặng Thanh D, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

4. Ông Đặng Thanh B, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

5. Bà Đặng Kim R, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

6. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

(Ông M, bà G, ông D, ông B, bà R, ông S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** bà Lâm Thị X là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Thanh TH (chết tháng 11/2018) là con ruột của vợ chồng ông Đặng Văn B (chết tháng 07/2018) và bà Lâm Thị X; bà Nguyễn Thị H là vợ ông TH; Đặng Thị Kim Th và Đặng Thanh T là con ông TH, bà H.

Năm 2012, ông TH, bà H có thể chấp 04 giấy chứng nhận QSDĐ cho ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - chi nhánh Tây Ninh vay số tiền 400.000.000 đồng nhưng đến hạn không có khả năng trả nên ngày 10/12/2013 ông Đặng Văn Bé đã trả nợ ngân hàng thay cho ông TH, bà H. Ông TH nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ đưa cho ông B giữ cho đến nay. Ngoài ra, năm 2008 ông B và bà X còn cho ông TH và bà H vay số tiền 110.000.000 đồng để mua đất và 15 chỉ vàng 24k (tương đương 79.591.500 đồng). Trong 15 chỉ vàng 24k có 08 chỉ vàng cho chị Th mượn, nên bà X không yêu cầu đối với 08 chỉ vàng đã cho chị Th mượn trong vụ án này.

Do chị Th và anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông TH, nên bà X yêu cầu bà H, chị Th và anh T cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ như sau: 402.810.666 đồng + 110.000.000 đồng + 37.002.000 đồng (7 chỉ vàng tương đương 5.286.000 đồng/1chỉ), tổng cộng là 549.812.666 đồng và tiền lãi suất của

số tiền này từ ngày 15/01/2019 cho đến ngày xét xử là 39 tháng x 1%/tháng là 213.872.00 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 763.684.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của bà H, chị Th, anh T trình bày: Bà Lâm Thị X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, Đặng Thị Kim Th và Đặng Thanh T cùng có trách nhiệm trả tổng số tiền 763.684.000 đồng do ông TTH và bà Nguyễn Thị H vay mượn của bà X. Bà H, chị Th, anh T không đồng ý yêu cầu của bà X với những lý do như sau:

Ông TH và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng, kết hôn năm 1991. Trong thời kỳ hôn nhân, ông TH và bà H có hai người con chung là chị Đặng Thị Kim Th và anh Đặng Thanh T. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là 01 căn nhà cấp 4 và 04 phần đất có tổng diện tích 29.968m², tọa lạc tại xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tháng 12/2012, do cần vốn làm ăn nên ông TH và bà H có thể chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Tây Ninh - Phòng Giao dịch thị xã Tây Ninh để vay số tiền 400.000.000 đồng. Đến tháng 4/2013 ông TH và bà H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được nên đã sống ly thân, bà H đã đi đến huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để làm ăn, sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, bà H và ông TH không có liên lạc với nhau. Tuy nhiên, bà H và mẹ chồng (bà Lâm Thị X) vẫn thường xuyên liên lạc, nói chuyện điện thoại với nhau, nhưng chưa khi nào bà H nghe bà X nói ông TH mượn tiền của bà X và ông Bé. Từ khi kết hôn đến khi ông TH chết, bà H và ông TH cũng không mượn bất cứ khoản tiền hay vàng gì của ông Bé, bà X.

Khi đến hạn trả nợ ngân hàng thì ông TH đã cho thuê đất, bán máy cày, máy cắt để trả nợ. Do ông TH bận đi làm nên có đưa tiền cho ông Bé là cha ruột ông TH nhờ đi trả nợ ngân hàng giúp ông TH cho nên ông Bé mới có giấy trả nợ ngân hàng. Còn việc ông B, bà X có các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông TH là do lúc đó bà H không có nhà, chị Th đi lấy chồng, anh T còn nhỏ, nhà không có ai trông coi nên ông TH mới gửi các giấy đất cho ông B, bà X là cha mẹ ruột giữ gìn.

Việc anh T ký giấy cam kết trả nợ là do bà X yêu cầu, chứ anh T hoàn toàn không biết có việc vay tiền, vàng hay không, cũng như anh T không có tư cách gì trong việc ký giấy cam kết trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông M, bà G, ông D, ông B, bà R, ông S là con của ông B và bà X, hiện nay ông B đã chết, bà X khởi kiện yêu cầu bà H, chị Th và anh T trả nợ số tiền 549.812.666 đồng. Các ông, bà là thừa kế của ông B thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà X. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 465 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Kim Th và anh Đặng Thanh T.

Về chi phí tố tụng: bà Lâm Thị X phải chịu chi phí giám định là 2.040.000 đồng, ghi nhận bà X đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/4/2022, bà Lâm Thị X kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà, buộc bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Kim Th và anh Đặng Thanh T trả nợ và tiền lãi cho bà.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà X trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà X:

[2.1] Bà Xê yêu cầu bà H và chị Th, anh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông TH cùng có trách nhiệm trả số tiền, vàng mà ông TH bà H vay mượn là 549.812.000 đồng và tiền lãi là 213.872.000 đồng, tổng cộng là 763.684.000 đồng. Bà Xê cho rằng nguồn tiền cho ông TH, bà H vay là 110.000.000 đồng để mua đất vào năm 2008, 07 chỉ vàng để mua máy cày và số tiền 402.810.000 để trả nợ ngân hàng là tiền, vàng tích lũy của vợ chồng bà.

Xét thấy, đối với số tiền 110.000.000 đồng bà X cho rằng đã cho ông TH, bà H mượn năm 2008. Nhưng từ năm 2008 đến năm 2018, lúc ông TH còn sống bà X không đòi ông TH, bà H trả số nợ trên. Đối với 07 chỉ vàng, bà X cho rằng năm 2013 cho ông TH mượn để mua máy cày nhưng chứng cứ thể hiện năm 2013, bà X có đứng ra bán của ông TH 01 máy cày với giá 120.000.000 đồng và bà X là người nhận tiền, cũng không yêu cầu ông TH trả. Đối với số tiền 402.810.000 đồng bà X cho rằng là tiền tích lũy của vợ chồng bà cho ông TH mượn trả nợ ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, tháng 05/2012 ông B có thể chấp ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Châu Thành vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm (ông TH vay ngân hàng tháng 12/2012). Khi cho vay mượn, bà X và ông Bé không yêu cầu ông TH, bà H ký giấy nhận nợ. Do đó, bà X cho rằng ông Bé, bà X dùng tiền, vàng tích lũy của mình cho ông TH, bà H vay và trả nợ ngân hàng thay cho ông TH, bà H là không có căn cứ.

[2.2] Việc bà X chứng minh giấy nộp tiền trả nợ ngân hàng và giấy cam kết trả nợ do anh T viết và ký tên để chứng minh cho yêu cầu của bà là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ khi cho ông TH, bà H vay tiền bà X không yêu cầu ông TH, bà H ký giấy nhận nợ, cũng như cam kết trả nợ, sau khi ông TH chết đến ngày 15/01/2019 bà X yêu cầu anh T ký giấy cam kết trả nợ, trong khi lúc ông TH còn sống ông TH, bà H không có chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nên việc anh T viết giấy cam kết trả nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Bị đơn trình bày nguồn tiền trả nợ ngân hàng là do: bán 01 máy cày cho ông Lê Văn Đồng với số tiền 120.000.000 đồng, bán 01 máy gặt lúa cho ông Nguyễn Văn Sương với số tiền 250.000.000 đồng và cho thuê 3,5 ha đất với giá 40.000.000 đồng/năm, thời hạn cho thuê là 05 năm, năm 2013 ông TH nhận trước tiền cho thuê là 120.000.000 đồng, tổng cộng 490.000.000 đồng. Thời điểm này trùng với thời gian trả nợ ngân hàng, ông TH dùng số tiền này nhờ ông B mang ra trả nợ ngân hàng giùm cho ông TH là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà X là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà X được miễn tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 465 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
2. Về chi phí tố tụng: bà Lâm Thị X phải chịu chi phí giám định là 2.040.000 đồng, ghi nhận bà X đã nộp xong.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà X được miễn tiền án phí sơ thẩm.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà X được miễn tiền án phí phúc thẩm.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang